

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 125/2023/DSST

Ngày: 22/5/2023

V/v tranh chấp: “Chia quyền sử
dụng đất trong hộ; thừa kế theo
pháp luật”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Thanh Hoàng

2/ Bà Huỳnh Thị Long

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cà Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 316/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia quyền sử dụng đất trong hộ và thừa kế theo pháp luật”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2023/QĐXX- DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 19xx, vắng mặt

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm 19xx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông U, bà T, chị T1, chị K: Anh Lê Trường X, sinh năm 19xx, (Giấy ủy quyền số 51, 52, 53, 54 ngày 24/8/2020). Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn K, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 19xx, vắng mặt

Ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), sinh năm 19xx, vắng mặt

Ông Nguyễn Văn S1 (N), sinh năm 19xx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Bà Lê Thị Bích P, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, ông S (S), ông S1 (N), bà P: Anh Lê Trường X, sinh năm 19xx, (Giấy ủy quyền số 000364 ngày 08/02/2021). Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, có mặt.

Anh Nguyễn Thành D, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, sinh năm 19xx, vắng mặt

Anh Nguyễn Thanh P2, sinh năm 19xx, vắng mặt

Anh Nguyễn Huỳnh Minh A, sinh năm 19xx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: số 31/24, đường M, phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Đ, sinh năm 19xx, vắng mặt

Anh Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 19xx, vắng mặt

Anh Nguyễn Tuấn K2, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 19xx, vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 19xx, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn, anh Lê Trường X trình bày: Cha của ông Nguyễn Văn U là cụ Nguyễn Văn T chết năm 1965, mẹ là cụ Nguyễn Thị T1 chết năm 2010, có 06 người con chung là: ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N) và ông Nguyễn Văn U. Cụ T1 có chồng thứ hai là cụ ông Lê Văn T3 chết năm 2012, có 01 người con chung là bà Lê Thị Bích P. Ông Nguyễn Văn R chết năm 2000, có vợ là bà Huỳnh Thị T4 chết năm 1997, có 05 người con là anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2 và anh Nguyễn Huỳnh Minh A. Bà Nguyễn Thị O chết năm

2018, có chồng là ông Nguyễn Đ và 06 người con là anh Nguyễn Tuấn K1, anh Nguyễn Tuấn K2, chị Nguyễn Thị Tuyết L, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Nguyễn Tuấn K3 và chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Cụ T1 chết không để lại di chúc, để lại di sản là căn nhà và quyền sử dụng đất thửa số 499 diện tích 2300m² đất lúa, thửa đất số 503 diện tích 2010 m² đất lúa, thửa đất số 105, diện tích 1520m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00299/CB ngày 14/6/1997 cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T1. Nguồn gốc đất là của cha, mẹ cụ T1 để lại. Thành viên hộ thời điểm cấp đất gồm 05 người: Cụ Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Thanh K. Ông U quản lý nhà và sử dụng đất. Năm 2012 ông U cần tiền sửa lại căn nhà của cụ T1 và xây nhà ông U ở, nên ông U có thỏa thuận chuyển nhượng cho bà O 01 công đất lúa (Tương đương 1000m²) với số tiền 50.000.000 đồng. Ông U đã giao đất cho bà O sử dụng đến nay con bà O là anh Nguyễn Tuấn K1 sử dụng đất, đã đào ao, trồng cây và làm hàng rào xung quanh đất. Việc chuyển nhượng đất không có giấy tờ chuyển nhượng, chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Nguyễn Văn U yêu cầu chia quyền sử dụng cho 05 thành viên trong hộ, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của cụ T1 cho 07 người con của cụ T1. Ông U không yêu cầu giải quyết căn nhà của cụ T1. Ông U đồng ý giao cho anh K1 tiếp tục sử dụng phần đất ông U chuyển nhượng cho bà O trước đây.

Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Thanh K yêu cầu chia quyền sử dụng đất cho 05 thành viên trong hộ, đồng ý tặng cho ông U toàn bộ diện tích đất được chia của bà T, chị T1 và chị K.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Tuấn K vắng mặt, không có lời trình bày.

* Trong đơn kiện yêu cầu độc lập và quá trình xét xử, người đại diện ủy quyền của của ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N) và bà Lê Thị Bích P trình bày: Nguồn gốc đất, di sản thừa kế, người thừa kế của cụ T1 thống nhất như ông U. Ông H, ông S (Lê Văn S), ông S1 (N) và bà P thống nhất yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của cụ T1 theo pháp luật, đồng ý tặng cho ông U toàn bộ phần thừa kế của ông H, ông S (Lê Văn S), ông S1 (N) và bà P.

* Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A, ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2, chị Nguyễn Thị Tuyết N vắng mặt, không có lời trình bày.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 212, 612, 649, 650, 651, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), bà Lê Thị Bích P về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T1 theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn K, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A, ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N, được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng anh K, anh D, chị P1, chị T2, anh P2, anh A, ông Đ, anh K1, chị L, anh K2, chị N.

Xét yêu cầu và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế theo pháp luật, theo quy định Điều 219, 660 Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh K về chia tài sản chung là quyền sử dụng đất trong hộ.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00299/CB ngày 14/6/1997 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T1 có các thửa đất số 499 diện tích 2300m² đất lúa, thửa đất số 503 diện tích 2010m² đất lúa, thửa đất số 105, diện tích 1520m² đất T+ vườn.

Văn bản số 1958/CAH-QLHC ngày 26/10/2017 của Công an huyện Gò Công Đông xác nhận: Tại thời điểm ngày 14/6/1997 thành viên hộ cụ Nguyễn Thị T1 gồm có: Cụ Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và chị Nguyễn Thị Thanh K.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa số 105 có diện tích đo 1703,5m², ông U đang sử dụng, trên đất có căn nhà của cụ T1, căn nhà của hộ ông U và tiệm tạp hóa của ông U. Thửa số 499 và thửa số 503 có diện tích đo tổng cộng là 4515,3m², trong đó có 1010,4m² đất ông U đã chuyển nhượng cho bà O trước đây, hiện anh K1 sử dụng đất đào ao, trồng cây Sơ ri, làm hàng rào trụ bê tông lưới B40 xung quanh. Phần diện tích còn lại ông U đang sử dụng có san lấp một phần đất lúa ngang 8m, dài 27m.

Ông U, bà T, chị T1 và chị K yêu cầu chia quyền sử dụng đất trong hộ của cụ T1, chia đều diện tích cho 05 thành viên trong hộ. Ông H, ông S (Lê Văn S), ông S1 (N) và bà P thống nhất yêu cầu của ông U, bà T, chị T1 và chị K. Anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A, ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2

và chị Nguyễn Thị Tuyết N không có ý kiến phản đối yêu cầu chia đất trong hộ của ông U, bà T, chị T1 và chị K. Nên theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 219 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có căn cứ nhận yêu cầu của ông U, bà T, chị T1 và chị K. Như vậy lấy diện tích đo các thửa đất chia 05 thành viên hộ, nên mỗi người được quyền sử dụng 340,7m² thửa số 105 (Thửa mới số 18) và 903,06m² thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724).

Bà T, chị T1 và chị K tự nguyện tặng cho ông U toàn bộ quyền sử dụng đất được chia, ông U đồng ý nhận, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), bà Lê Thị Bích P về chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất của cụ T1.

* Thời hiệu thừa kế: Giấy chứng tử số 17/2012 ngày 15/3/2012, UBND xã Bình Ân chứng nhận cụ Nguyễn Thị T1 chết ngày 24/6/2009. Cụ T1 chết không để lại di chúc. Ngày 25/10/2020 ông Nguyễn Văn U khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản là quyền sử dụng đất của cụ T1. Theo quy định khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự, còn thời hiệu thừa kế.

* Người thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định người thừa kế gồm: Ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), ông Nguyễn Văn U và bà Lê Thị Bích P, phù hợp văn bản số 1959/CAH-QLHC ngày 25/10/2017 của Công an huyện Gò Công Đông xác nhận quan hệ nhân thân của cụ Nguyễn Thị T1. Theo quy định Điều 651 Bộ luật dân sự, xác định có 07 người thừa kế theo pháp luật như nêu trên.

Ông Nguyễn Văn R chết năm 2000. Nên các con của ông R là anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A là người thừa kế thế vị theo Điều 652 Bộ luật dân sự.

Trích lục khai tử số 413/TLKT-BS ngày 13/9/2020 UBND xã Bình Ân chứng nhận bà Nguyễn Thị O chết ngày 30/5/2018. Nên chồng và các con của bà Oanh là ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2, chị Nguyễn Thị Tuyết N được hưởng phần thừa kế của bà O.

* Di sản: Là quyền sử dụng đất của cụ T1 được xác định là 340,7m² đất T + vườn thửa 105 và 903,06m² đất lúa thửa 499 và thửa 503, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00299/CB ngày 14/6/1997 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị T1.

* Kỷ phần thừa kế: Mỗi kỷ phần là 48,67m² đất T + vườn thửa 105 (Thửa mới số 18) và 129m² đất lúa thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724).

Ông H, ông S (Lê Văn S), ông S1 (N) và bà P tự nguyện tặng cho ông U toàn bộ phần thừa kế được hưởng, ông U đồng ý nhận, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A được nhận 01 kỷ phần thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn R. Ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K,

anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N được nhận 01 kỷ phần thừa kế của bà Nguyễn Thị O.

Đối với diện tích 48,67m² đất T + vườn, thửa đất 105 chia thừa kế của bà O, ông R là diện tích nhỏ, vị trí đất được chia ở phía trong của thửa 105, vì theo hiện trạng sử dụng đã có căn nhà của cụ T1, căn nhà và tiệm tạp hóa của hộ ông U, nếu chia bằng diện tích đất sẽ khó khăn cho việc sử dụng đất, nên cần chia bằng giá trị quyền sử dụng đất. Biên bản định giá tài sản ngày 08/4/2023 xác định giá trị đất thửa 105 là 1.300.000 đồng/m².

* Vị trí chia đất: Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của ông U trình bày: Ông U yêu cầu chia đất trong hộ và đất thừa kế cho ông U ở vị trí ông U đã chuyển nhượng đất cho bà O trước đây ở thửa 499, chia đất thừa kế cho bà O, ông R tiếp giáp với phần đất ông U đã chuyển nhượng cho bà O. Ông U không yêu cầu trả chi phí san lấp phần đất lúa. Ông U đồng ý giao anh Nguyễn Tuấn K1 tiếp tục sử dụng đất đã chuyển nhượng cho bà O có diện tích đo 1010,4m². Anh K1 và những người thừa kế của bà O không có ý kiến về phần đất bà O nhận chuyển nhượng của ông U. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận tự nguyện của ông U, phù hợp pháp luật và hiện trạng sử dụng đất.

* Về các khoản thanh toán, nghĩa vụ của người chết để lại và di sản là căn nhà của cụ Tất, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông U, người thừa kế của ông R, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị tài sản được nhận. Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Tiền Giang ban hành quy định về giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở tính án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 219, 660 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh K về việc chia quyền sử dụng đất trong hộ. Ghi nhận Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh K tặng cho ông Nguyễn Văn U toàn bộ quyền sử dụng đất được chia.

2/ Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn U, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), bà Lê Thị Bích P về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị T1 theo pháp luật. Ghi nhận ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), bà Lê Thị Bích P tặng cho ông Nguyễn Văn U toàn bộ phần thừa kế được chia.

Ông Nguyễn Văn U được quyền sử dụng 3.246,9m² đất, thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724) và toàn bộ diện tích đất thửa 105 (Thửa mới số 18), diện

tích đo 1703,5m², tại ấp Chợ Bến, xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, có Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ giao phần thừa kế của bà Nguyễn Thị O cho ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng 129m² đất, thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724), có Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ giao ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N giá trị quyền sử dụng 48,67m² đất T + vườn, thửa 105 (Phần thừa kế của bà Nguyễn Thị O) với số tiền là 63.271.000 (*Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

Ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ giao phần thừa kế của ông Nguyễn Văn R cho anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A được quyền sử dụng 129m² đất, thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724), có Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ giao anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A giá trị quyền sử dụng 48,67m² đất T + vườn, thửa 105 (Phần thừa kế của ông Nguyễn Văn Rạng) với số tiền là 63.271.000 (*Sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn*) đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn U tự nguyện giao phần đất diện tích 1010,4m² đất, thửa 499 và thửa 503 (Thửa mới số 724) cho anh Nguyễn Tuấn K1 được quyền sử dụng, có Trích đo bản đồ địa chính khu đất.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N, anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn U còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn U phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 26.550.500 đồng, được trừ số tiền 1.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018235 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, ông U còn phải nộp số tiền 25.297.500 đồng. Ông Nguyễn Đ, anh Nguyễn Tuấn K, anh Nguyễn Tuấn K1, chị Nguyễn Thị Tuyết L, anh Nguyễn Tuấn K2 và chị Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.679.500 đồng. Anh Nguyễn Thành D, chị Nguyễn Huỳnh Thanh P1, chị Nguyễn

Huỳnh Thanh T2, anh Nguyễn Thanh P2, anh Nguyễn Huỳnh Minh A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.679.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, chị Nguyễn Thị Thanh K, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S), ông Nguyễn Văn S1 (N), bà Lê Thị Bích P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 1.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018236 ngày 04/11/2020. Chị Nguyễn Thị Thanh T1 được nhận lại số tiền 1.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018234. Chị Nguyễn Thị Thanh K được nhận lại số tiền 1.253.000 đồng theo biên lai thu số 0018237 ngày 04/11/2020. Ông Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 0018676 ngày 28/4/2021. Ông Nguyễn Văn S (Lê Văn S) được nhận lại số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 0018674 ngày 28/4/2021. Ông Nguyễn Văn S1 (N) được nhận lại số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 0018675 ngày 28/4/2021. Bà Lê Thị Bích P được nhận lại số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 0018677 ngày 28/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Hoàng

Huỳnh Thị Long

Trần Văn Dũng

